

姓名..... 班级..... 学号.....

练习一：身体

yǎnjīng
眼睛

tuǐ
腿

xīgài
膝盖

gēbó
胳膊

Zuǐ
嘴

bízi
鼻子

ěrduǒ
耳朵

tóu
头

Jiǎo
脚

shǒu
手

